

Số: 05/2022/QĐ-UBND

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 343/TTr-SCT ngày 27 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh cùng

Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, TT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT. Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, KTN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Thư

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND

ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm quản lý, phối hợp giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý cụm công nghiệp, giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp (CCN); công tác bảo vệ môi trường trong CCN trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Những nội dung về công tác phối hợp liên quan đến CCN không quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý CCN và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong CCN.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, hoạt động của CCN.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ đồng bộ giữa Sở Công Thương với các Sở, ngành và UBND cấp huyện để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với CCN theo quy định của pháp luật;

b) Việc phối hợp quản lý nhà nước đối với CCN phải thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành và UBND cấp huyện được pháp luật quy định. Sở Công Thương và các cơ quan chức năng có trách nhiệm tiếp nhận và trả lời kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp trong CCN đúng thời gian quy định;

c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư, triển khai dự án và hoạt động trong CCN chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ, thực hiện theo đúng Quy chế này.

2. Phương thức phối hợp: Tùy theo tính chất, nội dung công việc trong quá trình

thực hiện sẽ do một cơ quan chủ trì quyết định và một hoặc nhiều cơ quan khác phối hợp giải quyết công việc.

a) Đối với cơ quan chủ trì: Tổ chức cuộc họp tập trung để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan phối hợp; gửi văn bản xin ý kiến đến cơ quan phối hợp. Sau khi cơ quan chủ trì triển khai lấy ý kiến, hướng dẫn, xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến CCN thì cơ quan chủ trì gửi cho Sở Công Thương 01 (một) bản để tổng hợp thông tin và phối hợp thực hiện; tổ chức đoàn khảo sát, điều tra các hoạt động có liên quan đến dự án đầu tư, phát triển CCN;

b) Đối với cơ quan phối hợp: Có trách nhiệm tham gia góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Trường hợp cơ quan phối hợp không thể tham dự cuộc họp thì gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì. Nếu không có ý kiến thì cơ quan phối hợp phải chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp; khi được đề nghị tham gia ý kiến, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp, cơ quan phối hợp cần thời gian để xác minh, xử lý thông tin thuộc lĩnh vực ngành quản lý thì phải có văn bản thông báo cho cơ quan chủ trì được biết và thời gian xác minh, xử lý thông tin không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản thông báo cho cơ quan chủ trì;

c) Các sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện có trách nhiệm phối hợp công khai, minh bạch các thủ tục liên quan đến hoạt động CCN tại cơ quan, đơn vị đề các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư hạ tầng; tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN biết thực hiện;

d) Các sở, ngành, UBND cấp huyện liên quan có trách nhiệm phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về CCN theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương (sau đây viết tắt là TT số 28/2020/TT-BCT) quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và các nội dung khác có liên quan; phối hợp trong công tác thông tin, báo cáo;

đ) Các văn bản có nội dung liên quan đến việc quản lý, phát triển CCN của các sở, ngành, UBND cấp huyện; tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm gửi về Sở Công Thương 01 (một) bản để phối hợp, theo dõi, tổng hợp phục vụ công tác quản lý, tham mưu, báo cáo.

3. Các hồ sơ thủ tục đầu tư CCN, gồm: Quy hoạch chi tiết, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phương án phòng cháy chữa cháy, Dự án đầu tư hạ tầng CCN, Giấy phép xây dựng, Giấy phép môi trường; Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án sản xuất kinh doanh trong CCN khi được cơ quan, đơn vị thẩm quyền phê duyệt, đơn vị tham mưu có trách nhiệm gửi Sở Công Thương 01 (một) bộ để phối hợp, theo dõi.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì tham mưu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế chính sách pháp luật, về quản lý, đầu tư, hoạt động, phát triển CCN;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Thương Mại và Đầu tư, cơ quan, đơn vị có liên quan kêu gọi, thu hút đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN từ các nguồn vốn hợp pháp (từ các doanh nghiệp, tổ chức, nhà tài trợ, nguồn vốn đầu tư nước ngoài); đồng thời, tham gia tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư đăng ký đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh, trong đó bao gồm lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng, đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Sở Tài chính: Phối hợp Sở Công Thương rà soát, xây dựng, tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn việc thực hiện cơ chế, chính sách pháp luật về CCN theo quy định của Bộ, ngành Trung ương.

4. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh tích cực phối hợp với Sở Công Thương tham gia xây dựng, góp ý, tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, đầu tư, hoạt động, phát triển CCN.

Điều 5. Xây dựng, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Phương án phát triển CCN thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN (sau đây viết tắt là Nghị định số 66/2020/NĐ-CP).

2. Xây dựng, tích hợp phương án phát triển CCN vào quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trình tự thực hiện:

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển CCN trên địa bàn theo quy định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi tắt là UBND tỉnh);

b) UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp phương án phát triển CCN vào quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh (trong đó có phương án phát triển CCN) theo quy định của pháp luật quy hoạch (sau khi có ý kiến của Bộ Công

Thương về sự phù hợp, đáp ứng nội dung, quy định đối với phương án phát triển CCN theo quy định về quy hoạch tỉnh).

Điều 6. Điều chỉnh, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở điều chỉnh phương án phát triển CCN thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nội dung báo cáo điều chỉnh phương án phát triển CCN thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trình tự thực hiện:

a) UBND cấp huyện có văn bản đề xuất điều chỉnh phương án phát triển CCN trên địa bàn, gửi Sở Công Thương;

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương án phát triển CCN trên địa bàn theo quy định; báo cáo UBND tỉnh về điều chỉnh phương án phát triển CCN;

c) UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển CCN vào điều chỉnh tích hợp quy hoạch tỉnh (trong đó có điều chỉnh phương án phát triển CCN) theo quy định của pháp luật quy hoạch (sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp, đáp ứng điều kiện, quy định đối với điều chỉnh phương án phát triển CCN theo quy định tích hợp với quy hoạch tỉnh).

Điều 7. Thành lập, mở rộng CCN

1. Điều kiện thành lập cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 10, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP) và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Điều kiện mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt việc thành lập, mở rộng CCN thực hiện theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN (sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP) và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP

4. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì:

UBND cấp huyện: Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật lập hồ sơ thành lập, mở rộng CCN đảm bảo các điều kiện và nội dung theo quy định tại các Điều 10, 11, 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thẩm định;

Sở Công Thương có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Cơ quan phối hợp:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và Sở Công Thương đánh giá năng lực tài chính, tổng mức đầu tư, cơ cấu khả năng cân đối, huy động các nguồn vốn đầu tư để thực hiện các dự án; đánh giá tư cách pháp lý của chủ đầu tư; kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư của CCN theo quy định;

Thực hiện thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư dự án theo pháp luật đầu tư, trong đó lồng ghép chấm điểm lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành để trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan có ý kiến việc thành lập, mở rộng CCN theo quy định hiện hành;

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với UBND cấp huyện đánh giá và giải quyết các nội dung liên quan đến hiện trạng sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng CCN; yêu cầu chủ đầu tư báo cáo, dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào CCN và phương án quản lý môi trường CCN;

- Sở Xây dựng: Đánh giá sự phù hợp phương án của CCN với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

- Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 8. Quy hoạch chi tiết CCN

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng CCN theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; Điều 5 TT số 28/2020/TT-BCT và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì: UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thẩm định đồ án quy hoạch và phê duyệt, đồng thời có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng trước khi phê duyệt.

b) Cơ quan phối hợp:

Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch CCN, sự phù hợp với phương án phát triển CCN, ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, sự phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng CCN;

Sở Xây dựng: Hướng dẫn UBND cấp huyện nơi có CCN thực hiện thủ tục có liên quan trong công tác quy hoạch chi tiết xây dựng CCN. Tham gia ý kiến về cách bố trí các phân khu chức năng, khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài CCN;

Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch CCN, kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN;

Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia ý kiến về cách bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của CCN phù hợp với ngành nghề hoạt động của CCN và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật, cơ cấu sử dụng đất đai đối với các phân khu chức năng;

Sở Giao thông vận tải: Tham gia ý kiến về công trình giao thông trong CCN, khả năng kết nối công trình giao thông ngoài CCN và các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý;

Các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 6 Thông tư số 28/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương và pháp luật hiện hành.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN;

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện;

c) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN: Lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN

1. Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN lập, thẩm định hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng, đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh trong CCN về xây dựng, thực hiện các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; rà soát, tổng hợp, công bố danh mục các CCN, các dự án trong CCN gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường CCN.

2. Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định và các nội dung khác liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, phải tiến hành đồng thời lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ đầu tư phải xây dựng đầy đủ các hạng mục công trình, hạ tầng kỹ thuật môi trường và được cấp Giấy phép môi trường làm cơ sở tiếp nhận các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào CCN.

Điều 11. Giao đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN

1. Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

3. Chủ đầu tư hạ tầng CCN thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai; phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan trong việc hỗ trợ bồi thường, tái định cư theo quy định.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào CCN

1. Việc tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư trong CCN thực hiện theo quy định tại các Điều 22, 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. UBND cấp huyện

a) Đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào trong CCN (gồm: Thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường) theo quy định, phân cấp của UBND tỉnh;

b) Có trách nhiệm cung cấp thông tin, giới thiệu địa điểm đầu tư cho nhà đầu tư;

c) Chỉ đạo các phòng, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan giải quyết kịp thời các thủ tục triển khai đầu tư cho nhà đầu tư;

d) Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện quy định pháp luật về môi trường đối với dự án đầu tư theo quy định.

4. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN

a) Hướng dẫn các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư trong CCN liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết các thủ tục liên quan đến việc đầu tư dự án trong CCN theo quy định;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan giải quyết kịp thời các thủ tục đầu tư; hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án trong CCN.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Việc quản lý dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với CCN đã có doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN: Cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN. Xây dựng, phê duyệt quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN, không trái quy định của pháp luật. Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày quyết định phê duyệt quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Sở Công Thương, UBND cấp huyện để theo dõi, quản lý;

b) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN: Sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ các công trình công cộng, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật;

c) UBND cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật về việc không thỏa thuận được giá sử dụng dịch vụ công cộng, tiện ích giữa chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN với các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh trong CCN.

3. Đối với CCN chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN

a) UBND cấp huyện chủ trì xây dựng bộ đơn giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN phù hợp với tình hình thực tế của từng CCN, gửi Sở Công Thương xem xét, tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định theo quy định;

b) Sở Công Thương chủ trì, rà soát bộ đơn giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN phù hợp với hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương, phối hợp với Sở Tài chính để thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

c) Sở Tài chính phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định bộ đơn giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN phù hợp với hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương để tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

1. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong CCN thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ

a) Nội dung quản lý: Theo dõi, cập nhật tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong CCN; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật; đánh giá hiệu quả về đầu tư

xây dựng, hoạt động, phát triển CCN; xử lý vi phạm hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, các nội dung khác có liên quan và những vấn đề phát sinh như khiếu kiện, kiến nghị, đề xuất;

b) Các sở, ngành, UBND cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động thực hiện quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong CCN; tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

2. Công tác thông tin, báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

Điều 15. Công tác quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực khác liên quan đến CCN

1. Cục Thuế tỉnh: Thường xuyên cập nhật thông tin các chính sách pháp luật về thuế liên quan đến đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN và kinh doanh trong CCN.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thỏa thuận, xác định phương án phát triển CCN nhằm đảm bảo quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; xây dựng cơ chế chính sách phát triển CCN làng nghề (nếu có).

3. Sở Nội vụ: Hướng dẫn về thành lập, tổ chức bộ máy hoạt động của Trung tâm phát triển CCN, Ban Quản lý CCN cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN (nếu có).

4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh cung cấp các dịch vụ thông tin, truyền thông đáp ứng nhu cầu hoạt động cho các nhà đầu tư trong CCN;

b) Hướng dẫn chủ đầu tư các CCN bố trí vị trí xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong CCN;

c) Phối hợp đưa công nghệ thông tin vào ứng dụng quản lý, tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý CCN.

Điều 16. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện có liên quan tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN; đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN, báo cáo UBND tỉnh, cơ quan được UBND tỉnh giao phê duyệt theo nguyên tắc không quá 01 (một) lần trong 01 (một) năm, trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong CCN.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Hàng năm, Sở Công Thương chủ trì xem xét đề xuất khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong CCN theo quy định của pháp luật.

2. Sở Công Thương chủ trì phối hợp các sở, ngành đề xuất UBND tỉnh xử lý đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong CCN hoạt động kém hiệu quả, không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, xin gia hạn nhiều lần, vi phạm pháp luật bị xem xét xử lý theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động phối hợp, trao đổi, kịp thời cung cấp thông tin, phản ánh, đề xuất trong công tác khen thưởng, xử lý vi phạm trong quản lý, hoạt động của CCN.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương là cơ quan đầu mối quản lý về CCN trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

a) Phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc thành lập và hoạt động của CCN;

b) Chủ trì xây dựng, điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển CCN trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương;

c) Phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN;

d) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong cả nước về phát triển CCN phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, lãnh thổ; tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình phát triển CCN trong nước và quốc tế;

đ) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Bộ Công Thương, UBND tỉnh về tình hình CCN; đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nhu cầu sử dụng đất của CCN trong từng giai đoạn; xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu CCN trên địa bàn tỉnh;

e) Phối hợp các sở, ngành, UBND cấp huyện về quản lý, giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN gồm: cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, phê duyệt quy hoạch chi tiết, phê duyệt dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy và dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN gồm: Quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu UBND tỉnh tích hợp phương án phát triển CCN phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

b) Đề nghị các chương trình phối hợp, liên kết với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan để thu hút đầu tư phát triển các CCN phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng lãnh thổ; thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư vào CCN;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn ngân sách địa phương để đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào CCN trên địa bàn;

d) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư;

đ) Đề xuất, hướng dẫn, quản lý thực hiện đầu tư CCN theo hình thức đối tác công tư sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương.

3. Sở Xây dựng

a) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, quy hoạch phân khu chức năng. Ban hành Quy chế quản lý xây dựng trong CCN đối với dự án được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch;

b) Có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản về nội dung các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng CCN làm cơ sở cho UBND cấp huyện phê duyệt;

c) Chủ trì thẩm định và cấp phép xây dựng đối với công trình đầu tư theo thẩm quyền;

d) Thanh tra, kiểm tra về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong các CCN.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;

b) Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để phát triển CCN theo thẩm quyền;

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư CCN thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu;

d) Phối hợp với Sở Công Thương thanh tra, kiểm tra và đề xuất UBND tỉnh xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai và bảo vệ môi trường trong CCN theo quy định;

đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN theo ủy quyền của UBND tỉnh;

e) Hướng dẫn việc thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải, cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN; quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp trong CCN (nếu có).

5. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và chế độ tài chính hiện hành, Sở Tài chính phối hợp Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí (đối với nguồn vốn sự nghiệp) để thực hiện các hoạt động phát triển CCN trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án khác theo quy định phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Sở Giao thông Vận tải

a) Chủ trì hướng dẫn, cấp phép thi công đấu nối hạ tầng giao thông CCN với hệ thống đường địa phương và Quốc lộ được ủy thác quản lý theo quy định pháp luật; hướng dẫn thực hiện thủ tục đấu nối hạ tầng giao thông với các tuyến đường Quốc lộ do Trung ương quản lý;

b) Phối hợp góp ý thẩm định quy hoạch phân khu chức năng xây dựng CCN.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành thực hiện thu hồi đất xây dựng hạ tầng CCN;

b) Đầu mối tiếp nhận, giải quyết, phối hợp giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào trong CCN theo quy định, phân cấp của UBND tỉnh; giải quyết hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của các dự án trong CCN;

c) Phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan có liên quan thực hiện Kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và hoạt động CCN trên địa bàn;

d) Kiểm tra về quản lý sử dụng đất, bảo vệ môi trường, quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các dự án trong CCN trên địa bàn theo đúng thẩm quyền quy định;

đ) Đầu mối tiếp nhận Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích, Quy chế quản lý xây dựng do Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN lập để theo dõi, quản lý, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN thực hiện theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan lập phương án, kế hoạch đầu tư phát triển CCN, đầu tư hạ tầng kỹ thuật (hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông) đến hàng rào CCN;

g) Cấp phép xây dựng cho các công trình đầu tư theo thẩm quyền;

h) Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 52 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

8. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN

a) Thực hiện theo quy định tại các Điều 15, 20, 21 của Nghị định 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 7 Thông tư số 28/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

c) Báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương.

9. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất kinh doanh trong CCN

a) Thực theo quyền và nghĩa vụ tại Điều 24, 25 của Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

c) Báo cáo định kỳ tình hình sản xuất kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương.

10. Các nội dung quản lý nhà nước về CCN chưa nêu trong Quy chế này, căn cứ vào thẩm quyền các sở, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn và chủ trì giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện quản lý nhà nước đối với CCN theo chức năng, nhiệm vụ và nội dung phân công tại Quy chế này.

3. UBND cấp huyện quản lý nhà nước về CCN trên địa bàn, giao Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế - Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện là đơn vị đầu mối giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về CCN trên địa bàn theo phân cấp của UBND tỉnh.

4. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN và chủ đầu tư thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh trong CCN chịu trách nhiệm thực hiện đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật CCN và dự án sản xuất kinh doanh trong CCN theo đúng pháp luật hiện hành và nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc các đơn vị báo cáo Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung quy chế ./.